

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2023
V/v: “Ly hôn giữa chị H và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hình
Bà Phạm Hồng Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lại Thị Kiều H, sinh năm 1990; (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 5, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
Bị đơn: Anh Đỗ Quang T, sinh năm 1987; (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lại Thị Kiều H trình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Quang T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/7/2013 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau không tìm được tiếng nói chung, anh T không chăm lo cho gia đình. Từ tháng 11 năm 2020 đến nay chị và anh T ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Quang T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung là Đỗ Thị A sinh ngày 16/9/2014 và Đỗ Ngọc A1 sinh ngày 30/11/2015. Hiện nay 2 con chung ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị muốn tiếp tục nuôi 2 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Đỗ Quang T được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về đường lối giải quyết:

Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lại Thị Kiều H. Xử cho ly hôn giữa chị Lại Thị Kiều H và anh Đỗ Quang T.
2. Về nuôi con chung: Chị Lại Thị Kiều H tiếp tục trực tiếp nuôi con Đỗ Thị A sinh ngày 16/9/2014 và Đỗ Ngọc A1 sinh ngày 30/11/2015, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.
3. Về án phí DSST: chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.
4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật./

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Quang T vẫn thường trú tại địa phương nhưng thường xuyên vắng mặt tại nhà, không rõ thời điểm trở về, vì vậy không thể thực hiện việc tổng đạt hoặc thông báo trực tiếp. Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lại Thị Kiều H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Quang T vắng mặt; căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Lại Thị Kiều H và anh Đỗ Quang T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/7/2013 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, giữa chị H và anh T chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do 2 vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung. Từ năm 2021 đến nay chị H và anh T ly thân.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Lại Thị Kiều H và anh Đỗ Quang T đã mâu thuẫn trầm trọng, từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ nên nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được; Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lại Thị Kiều H đối với anh Đỗ Quang T.

[5] Về nuôi con chưa thành niên khi ly hôn: Chị Lại Thị Kiều H và anh Đỗ Quang T có 2 con chung là Đỗ Thị A sinh ngày 16/9/2014 và Đỗ Ngọc A1 sinh ngày 30/11/2015 hiện đang ở cùng chị H. Cháu Anh và cháu A1 đều có đơn đề nghị được tiếp tục ở cùng với chị H. Xét thấy điều kiện hoàn cảnh lời trình bày của đương sự, ý kiến của con chung và kết quả xác minh tại địa phương thì thấy mong muốn của chị H về nuôi con chung khi ly hôn là hợp lý, vì vậy nên giao cháu Đỗ Thị A sinh ngày 16/9/2014 và Đỗ Ngọc A1 sinh ngày 30/11/2015 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lại Thị Kiều H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đỗ Quang T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

[6] Về tài sản: Chị Lại Thị Kiều H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Chị Lại Thị Kiều H phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Lại Thị Kiều H, anh Đỗ Quang T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lại Thị Kiều H và anh Đỗ Quang T

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cháu Đỗ Thị A sinh ngày 16/9/2014 và Đỗ Ngọc A1 sinh ngày 30/11/2015 cho chị Lại Thị Kiều H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đỗ Quang T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lại Thị Kiều H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 00004838 ngày 23/12/2022

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Lại Thị Kiều H, anh Đỗ Quang T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND, tỉnh, huyện: 02 bản
- Chi cục THA huyện N: 01 bản
- UBND xã N: 01 bản
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Lưu VP

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thọ